CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH

-❖-

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2021

BÌNH ĐỊNH, 7 - 2021

CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ

SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN

Lúa	Ngô	Lạc	Rau các loại	Đậu các loại
⬆ 8,4%	⬇ 4,9%	⬆ 3,8%	⬇ 8,9%	⬆ 2,9%

Tiến độ một số cây trồng Vụ Hè Thu 2021 đến ngày 22/7/2021

Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm
982,2 tấn	22.549,3 tấn	69.638,3 tấn	13.569,1 tấn
⬆ 2%	⬆ 1,8%	⬆ 7,6%	⬆ 3,3%

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng

Sản lượng gỗ khai thác

154.910,2 tấn (xấp xỉ cùng kỳ)

Sản lượng thuỷ sản

CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ

CÔNG NGHIỆP - ĐẦU TƯ - NGÂN HÀNG

Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp

TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP ⬆ 7,82%

Khai khoáng	Chế biến, chế tạo	Sản xuất và phân phối điện	Cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải
⬇ 5,25%	⬆ 5,38%	⬆ 71,56%	⬆ 3,04%

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

3.748,5 tỷ đồng

⬆ 4,3%

Nguồn vốn huy động

79.350 tỷ đồng

⬆ 14,2%

Dư nợ cho vay

87.940 tỷ đồng

⬆ 12,3%

CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ

THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ - XUẤT NHẬP KHẨU - VẬN TẢI

Tổng mức bán lẻ

37.665,7 tỷ đồng

⬆ 4,1%

Khách sạn, nhà hàng

4.090,7 tỷ đồng

⬇ 5,6%

Du lịch, lữ hành

18,8 tỷ đồng

⬇ 18,4%

Dịch vụ khác

2.034,7 tỷ đồng

⬇ 7,3%

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng — 43.809,9 tỷ đồng ⬆ 2,6%

Xuất khẩu — 764,7 triệu USD ⬆ 24,1%

Nhập khẩu — 227,6 triệu USD ⬆ 33,1%

Xuất nhập khẩu

595,9 tỷ đồng

⬇ 11,1%

Doanh thu vận tải hành khách

2.402,1 tỷ đồng

⬆ 2,6%

Doanh thu vận tải hàng hóa

CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ

CHỈ SỐ GIÁ - TAI NẠN GIAO THÔNG - TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Giá tiêu dùng
⬆ 3,09%

Giá vàng
⬆ 13,29%

Giá Đô la Mỹ
⬇ 0,94%

Chỉ số giá

Số vụ tai nạn
86 vụ ⬇ 8,5%

Số người bị thương
55 người ⬆ 14,6%

Số người chết
64 người ⬇ 7,2%

Tai nạn giao thông

Số vụ cháy, nổ
52 vụ ⬆ 108,0%

Vi phạm môi trường

Số vụ đã phát hiện
124 vụ ⬇ 51,0%

Số vụ đã xử lý
103 vụ ⬇ 48,5%

Số tiền xử phạt
1,1 tỷ đồng ⬇ 37,8%

Trật tự, an toàn xã hội

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 581/BC-CTK

Bình Định, ngày 23 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định
Tháng 7 năm 2021

Tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại vào cuối tháng 4/2021, lây lan mạnh vào cuối tháng 6/2021và đang có diễn biến hết sức phức tạp khi Việt Nam liên tục ghi nhận các trường hợp mắc Covid-19 trong cộng đồng. Bình Định đã ghi nhận các ca bệnh đầu tiên vào ngày 27/6. Trước tình hình phức tạp của dịch bệnh, ngoài các văn bản đã ban hành trước đó, UBND tỉnh Bình Định đã có văn bản yêu cầu kể từ 0h ngày 29/6, các cơ sở dịch vụ ăn uống (nhà hàng, quán ăn, cà phê, giải khát…) không được phục vụ ăn uống tại chỗ, chỉ được phép bán mang đi; Sở Giao thông vận tải tỉnh đã có văn bản yêu cầu các đơn vị kinh doanh vận tải tạm dừng các hoạt động vận chuyển hành khách tuyến cố định, xe du lịch, xe hợp đồng, taxi từ tỉnh Bình Định đi các tỉnh như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Phú Yên, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Lâm Đồng…..và ngược lại; UBND tỉnh Bình Định đã có Quyết định thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-Ttg của Thủ tướng Chính phủ đối với 5 phường và Chỉ thị 15/CT-Ttg đối với các địa phương còn lại của thị xã Hoài Nhơn từ 0h ngày 04/7/2021; theo Chỉ thị 16/CT-Ttg của Thủ tướng Chính phủ đối với phường Bình Định và Chỉ thị 15/CT-Ttg đối với các xã, phường còn lại của thị xã An Nhơn từ 0h ngày 20/7/2021.

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn, ước tính kết quả đạt được như sau:

- Trên lĩnh vực nông nghiệp, nông dân tập trung chăm sóc và thu hoạch các loại cây trồng vụ Hè Thu; công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh, các hoạt động kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ được tăng cường nhằm hạn chế dịch bệnh phát sinh và lây lan;

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 7/2021 giảm 1,8% so với tháng trước và tăng 7,92% so cùng kỳ; luỹ kế 7 tháng đầu năm 2021 so cùng kỳ tăng 7,82%;

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2021 ước đạt 5.962,7 tỷ đồng, giảm 4,1% so với tháng trước và giảm 15,3% so cùng kỳ; luỹ kế 7 tháng đầu năm 2021 ước đạt 43.809,9 tỷ đồng, tăng 2,6% so cùng kỳ;

- Kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu tháng 7/2021 ước đạt 114,8 triệu USD, giảm 22,1% so với tháng trước và giảm 1,3% so cùng kỳ; luỹ kế 7 tháng đầu năm 2021 giá trị ước đạt 992,3 triệu USD, tăng 26% so cùng kỳ;

- Hàng hóa thông qua cảng tháng 7/2021 ước đạt 1.328 nghìn TTQ, giảm 0,8% so với tháng trước và tăng 15% so với cùng kỳ; lũy kế 7 tháng đầu năm 2021 ước đạt 8.500,9 nghìn TTQ, tăng 18,3% so với cùng kỳ;

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2021 tăng 0,48% so với tháng trước và tăng 4,41% so với cùng kỳ; bình quân 7 tháng đầu năm 2021 tăng 3,09% so với cùng kỳ;

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định.

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Đến nay, đợt tái bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến việc sản xuất, lưu thông và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản. Giá lợn hơi đang ở mức 53.000 đến 57.000 đồng/kg, giảm 4.000 đồng so tháng trước, là mức giá thấp nhất trong 2 năm qua; trong khi đó, bệnh viêm da nổi cục ở bò lây lan tại các địa phương, dịch tả lợn Châu Phi còn mầm bệnh rải rác tại các huyện, thị xã phía bắc của tỉnh gây khó khăn cho người chăn nuôi. Trước khó khăn chung, để góp phần thực hiện thành công "mục tiêu kép", ngành Nông nghiệp của tỉnh đã chỉ đạo chăm sóc, thu hoạch lúa Hè Thu, triển khai sản xuất vụ Mùa theo kế hoạch, đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ sản xuất; tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, đẩy mạnh chăn nuôi an toàn sinh học; tăng cường hoạt động khai thác thủy sản gắn với các biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, tiếp tục nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả kinh tế tại các địa phương ven biển.

1.1. Nông nghiệp

Tính đến ngày 22/7/2021, toàn tỉnh đã thực hiện gieo sạ lúa vụ Hè Thu được 41.278 ha, tăng 8,4% so cùng kỳ. Trong đó, lúa Hè diện tích 8.332 ha chiếm 20,2%, đến nay đã thu hoạch 1.926 ha; lúa Thu đã gieo sạ 32.946 ha chiếm 79,8%, đang trong giai đoạn làm đòng - trỗ.

Bên cạnh việc chăm sóc lúa vụ Hè Thu, bà con ở các địa phương đã chuẩn bị xong khâu làm đất và gieo sạ được 1.482 ha lúa vụ Mùa, bằng 62,5% so với cùng kỳ.

Đến ngày 22/7/2021, tiến độ gieo trồng một số cây trồng cạn vụ Hè Thu: Cây ngô 2.938,3 ha, giảm 4,9% so cùng kỳ; lạc 1.708,9 ha, tăng 3,8%; vừng 2.730,7 ha, giảm 3,3%; rau các loại 4.530,0 ha, giảm 8,9%; đậu các loại 721,8 ha, tăng 2,9%.

Hoạt động chăn nuôi, các ngành chức năng tiếp tục kiểm tra đôn đốc công tác phòng chống dịch bệnh ở các địa phương; tăng cường giám sát dịch bệnh động vật, phát hiện bệnh kịp thời: Dịch viêm da nổi cục ở bò, dịch tả lợn Châu Phi, dịch tả lợn tai xanh, lở mồm long móng, cúm gia cầm và các dịch bệnh khác... hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp phát triển chăn nuôi, chăn nuôi an toàn sinh học giảm thiểu dịch bệnh; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Tính đến tháng 7/2021, đàn trâu của tỉnh ước đạt 17.932 con, giảm 2,4% so với cùng kỳ. Đàn bò ước đạt 295.450 con, tăng 1,5%; trong đó, bò sữa có 2.390 con, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Đàn lợn (không kể lợn con chưa tách mẹ) ước đạt 659.745 con, tăng 5,2% do tái đàn mạnh so cùng kỳ trên những mô hình chăn nuôi an toàn sinh học. Đàn gia cầm ước đạt 8.372,5 nghìn con, tăng 2,5% so với cùng kỳ; trong đó, đàn gà 6.150,4 nghìn con, tăng 3,7% so với cùng kỳ.

Bảy tháng đầu năm 2021, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 982,2 tấn, tăng 2% so cùng kỳ; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng ước đạt 22.549,3 tấn, tăng 1,8%; sản lượng sữa bò sản xuất ước đạt 6.605,2 tấn, tăng 3,9%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 69.638,3 tấn, tăng 7,6%; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 13.569,1 tấn, tăng 3,3%; trong đó, thịt gà hơi xuất chuồng ước đạt 10.527 tấn, tăng 3,9%.

1.2. Lâm nghiệp

Bảy tháng đầu năm 2021, diện tích rừng trồng đưa vào chăm sóc ước tính 21.799,6 ha, tăng 0,6% so cùng kỳ. Nhìn chung, diện tích rừng được chăm sóc sinh trưởng và phát triển tốt. Diện tích rừng thực hiện khoán khoanh nuôi tái sinh đạt 313,7 ha, giảm 17,0%. Diện tích rừng đang thực hiện khoán bảo vệ đạt 121.250 ha, giảm 0,8%. Từ đầu năm đến nay, các đơn vị đã sản xuất được 87,8 triệu cây giống các loại.

Trong tháng 7/2021, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 74.524 m^3, tăng 2,9% so với cùng kỳ. Cộng dồn 7 tháng đầu năm 2021, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 572.600 m^3, tăng 2,8% so với cùng kỳ.

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy rừng trồng, diện tích 2,03 ha, giảm 87,2% so cùng kỳ; số vụ phá rừng trái pháp luật xảy ra 11 vụ, giảm 15,4%, với diện tích 1,6 ha, giảm 52,4%.

1.3. Thủy sản

Tháng 7/2021, thời tiết nắng nóng kéo dài tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác thủy sản. Tuy nhiên, giá nhiên liệu tăng làm cho phí tổn mỗi chuyến biển ngày càng cao. Mặt khác, số lượng thuyền viên tham gia hoạt động khai thác thiếu hụt trầm trọng nên một số tàu thuyền phải nằm bờ.

Hiện nay, vùng nuôi tôm thâm canh - bán thâm canh người nuôi đang thu hoạch tôm vụ 1. Đối với vùng nuôi tôm quảng canh cải tiến, người nuôi đang thu hoạch theo hình thức đánh tỉa thả bù. Một số vùng nuôi thủy sản nước ngọt đã và đang thu hoạch. Nuôi cá lồng biển, tôm hùm thương phẩm được duy trì ổn định.

Tổng sản lượng thủy sản 7 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh ước đạt 154.910,2 tấn, bằng cùng kỳ. Trong đó, sản lượng khai thác ước đạt 149.835,5 tấn, giảm 0,1% (khai thác cá ngừ đại dương sản lượng đạt 7.418 tấn, giảm 8,3% so cùng kỳ); sản lượng nuôi trồng ước đạt 5.074,7 tấn, tăng 4,4% (tôm thẻ chân trắng ước đạt 3.475,6 tấn, tăng 5,1% so cùng kỳ).

Sản lượng giống tôm thẻ chân trắng 7 tháng đầu năm 2021 ước đạt 4.383,3 triệu con, tăng 28,5% so cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp

Cuối tháng 6/2021, ca dương tính với Covid-19 đầu tiên được ghi nhận tại Bình Định. Trong bối cảnh tình hình dịch diễn biến phức tạp, các biện pháp ưu tiên cho phòng chống dịch ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp, hộ cá thể trong vùng dịch nguy cơ cao. Người lao động nằm trong khu vực bị phong tỏa, cách ly không thể tham gia sản xuất. Nhu cầu tiêu thụ giảm đáng kể đối với nhóm ngành thực phẩm, đồ uống, may mặc, in ấn, ảnh hưởng lớn đến sản xuất công nghiệp hộ cá thể. Để ứng phó kịp thời với diễn biến của dịch bệnh,UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các ngành, các địa phương triển khai các biện pháp phòng chống dịch tích cực, chủ động; tổ chức lại sản xuất tại các doanh nghiệp đảm bảo công tác phòng dịch; không để đứt gãy, gián đoạn cung ứng nguyên liệu và sản phẩm hàng hóa; dừng hoạt động nhà máy, xí nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh không an toàn. Trên địa bàn tỉnh, có doanh nghiệp quy mô trên 400 lao động đã thực hiện "3 tại chỗ", đảm bảo điều kiện tối đa phục vụ sản xuất. Kết quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan và sự đồng lòng, phối hợp của doanh nghiệp, người dân trong

cuộc chiến đẩy lùi dịch bệnh, tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn đạt tốc độ tăng trưởng khá, nhiều nhóm ngành chủ lực tiếp tục có chỉ số sản xuất tăng cao so cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất tăng 7,82% so cùng kỳ.

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Dịch Covid-19 bùng phát vào cuối tháng 6 và đầu tháng 7/2021 tại Bình Định đã gây tâm lý hoang mang, làm xáo trộn đời sống của người dân, ảnh hưởng tiêu cực, cục bộ trong thời gian ngắn đến doanh nghiệp, đây cũng là nguyên nhân chính tác động làm chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2021 so với tháng trước giảm 1,80%, trong đó khối doanh nghiệp giảm 1,45%, khối cá thể chịu ảnh hưởng nặng hơn giảm 3,43%. Chia theo ngành hoạt động, công nghiệp khai khoáng giảm 9,81%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,54%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện giảm 4,03%. Riêng ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 1,38%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, tuy còn nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19 nhưng hoạt động sản xuất ở một số ngành đã có sự bứt phá tăng trưởng cao góp phần thúc đẩy tăng trưởng chung toàn ngành công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ, tăng 7,82% (đây là mức tăng cao so với tốc độ tăng 4,86% của cùng kỳ năm 2020). Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 5,25%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,38%; công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 71,56%; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,04%.

Tình hình sản xuất ở một số ngành chủ yếu của tỉnh:

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,38%. Trong đó, ngành chế biến thực phẩm tăng 8,62%. Sản lượng thức ăn gia súc tăng 25,08% là nhân tố nổi bật nhất thúc đẩy tăng trưởng của ngành thực phẩm. Bên cạnh đó, sản phẩm cá phi lê đông lạnh có sự hồi phục đáng kể, sản lượng cá phi lê 26,38% so cùng kỳ. Một số sản phẩm khác sản lượng giảm so cùng kỳ như: Tôm đông lạnh giảm 6,38%; sữa giảm 14,55% do nhà máy giảm phân bổ chỉ tiêu sản xuất; tinh bột sắn giảm 17,05%; thức ăn gia cầm giảm 12,16%. Dự báo các tháng tiếp, ngành chế biến thực phẩm sẽ tiếp tục phát triển dựa vào nhóm chiếm tỷ trọng lớn là cá phi lê và thức ăn gia súc đang có sức bật tốt, các ngành còn lại đang có xu hướng phục hồi.

Đối với ngành may mặc, hiện nay các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do nhu cầu tiêu dùng thấp cả về xuất khẩu lẫn nội địa, bị ép giá bán, đơn hàng bị cắt giảm, sản xuất bị ảnh hưởng trực tiếp do dịch Covid-19 bùng phát trên địa bàn tỉnh. Sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn là quần áo đồng bộ giảm 2,81% so cùng kỳ. Tuy

nhiên, một số ít doanh nghiệp đầu ngành đầu tư từ khâu nguyên liệu, thiết kế, may mặc tạo ra giá trị gia tăng cao, thị trường xuất khẩu ổn định và có xu hướng ngày càng mở rộng. Đây là hướng đi phù hợp cho các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Hoạt động chế biến dăm gỗ gặp nhiều khó khăn từ đầu năm 2021 đến nay, giá bán hạ thấp, thị trường xuất khẩu thu hẹp, chỉ số sản xuất ngành chế biến gỗ giảm 13,58%. Tuy nhiên, điểm sáng là một số doanh nghiệp đã chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, tập trung sản xuất khung cửa gỗ, khung lò sưởi xuất khẩu với lượng đơn hàng lớn và ổn định.

Chỉ số sản xuất ngành sản xuất thuốc giảm 6,83%. Chủ yếu do đơn hàng ít, trong khi đó cùng kỳ năm 2020, các doanh nghiệp dược phẩm đẩy mạnh sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong thời điểm dịch bắt đầu bùng phát.

Ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng cao 29,24%. Các tháng đầu năm 2021, nhiều lô hàng tôn có giá trị cao được xuất đi các thị trường lớn như Mỹ, Mexico, Châu Âu, Đông Nam Á. Ngoài ra, kinh tế đang dần phục hồi, đầu tư công được đẩy mạnh, thị trường nội địa tiêu thụ sản phẩm tôn, ống thép đang sôi động thúc đẩy sản lượng sản xuất tôn tăng cao 68,50%.

Ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 10,90%. Thời điểm cùng kỳ năm trước các doanh nghiệp đang bảo trì máy móc, giảm sản xuất do cuối niên vụ; tuy nhiên, hiện nay nhiều doanh nghiệp tiếp tục nhận được đơn hàng. Trong 7 tháng đầu năm 2021, riêng thị trường Mỹ, ngành sản xuất bàn, ghế của Bình Định đã xuất khẩu đạt 116 triệu USD, tăng 58,1% so cùng kỳ. Dự báo đây là ngành tăng trưởng cao trong năm 2021.

Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tăng 71,56%. Đây là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất và có đóng góp quan trọng trong tốc độ tăng chung toàn ngành công nghiệp của tỉnh 7 tháng đầu năm 2021. Nếu như thời điểm này năm trước, thời tiết khô hạn, mực nước tại các hồ thủy điện đã cạn, thì năm 2021 lượng nước tại các hồ còn nhiều. Bên cạnh thủy điện, các dự án điện mặt trời, điện gió như: Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ, nhà máy phong điện Phương Mai 3 đi vào hoạt động trong quý 4/2020 đã góp phần nâng sản lượng điện sản xuất 7 tháng đầu năm 2021 tăng 182,22% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng điện sản xuất 7 tháng đầu năm 2021 đạt 889 triệu kwh; trong đó, với 5 nhà máy điện năng lượng mặt trời và điện gió đã sản xuất 256 triệu kwh điện, điện áp mái nhà đạt 200 triệu kwh.

2.2. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Thời điểm tháng 7/2020, ngành sản xuất bàn, ghế gỗ đang vào cuối vụ nên cắt giảm lao động. Tuy nhiên, tháng 7/2021, đơn hàng ngành sản xuất bàn, ghế gỗ vẫn còn nhiều, nhu cầu sử dụng lao động tăng 0,21% so với tháng trước. Một số ngành khác có chỉ số sử dụng lao động tăng như: Dệt tăng 1,13%; In ấn tăng 1,25%. Đánh giá chung, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 7/2021 tăng 0,21% so tháng trước.

So cùng kỳ, chỉ số sử dụng lao động tháng 7/2021 tăng 1,56%. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 11,77% do sản xuất thu hẹp; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,95%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,58%; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1%. Một số ngành sử dụng lao động nhiều hơn cùng kỳ như: Chế biến thực phẩm tăng 8,54%; dệt tăng 39,56%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 11,78%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 1,76%. Một số ngành phải cắt giảm hoặc thiếu hụt lao động như: Sản xuất da và sản phẩm có liên quan giảm 12,96%; chế biến gỗ giảm 10,62%; sản xuất hóa chất giảm 10,04%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 79,17%.

Theo loại hình doanh nghiệp, chỉ số sử dụng lao động tháng 7/2021 của khối doanh nghiệp Nhà nước tăng 2,33% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1,83%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 4,88%.

3. Đầu tư

Thời gian qua, tỉnh Bình Định tập trung huy động các nguồn vốn trên địa bàn, đồng thời tranh thủ nguồn lực từ Trung ương nhằm đáp ứng nhu cầu chi đầu tư các công trình trọng điểm. Một số dự án có khả năng giải ngân trong năm 2021 và những dự án sẽ kết thúc trong năm 2021 được ưu tiên vốn để đẩy nhanh tiến độ. Trong 7 tháng đầu năm 2021, nhiều công trình hạ tầng, giao thông trọng điểm đã hoàn thành đưa vào sử dụng như: Đường vào ga Diêu Trì; đường Điện Biên Phủ nối dài đến Quốc lộ 19 mới; mở rộng đường vào sân bay Phù Cát; đường đấu nối từ trục Khu kinh tế Nhơn Hội.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 3.748,5 tỷ đồng, tăng 4,3% so cùng kỳ năm 2020, đạt 45,6% kế hoạch năm.

Trong các tháng cuối năm 2021, Bình Định vừa thực hiện khẩn trương công tác phòng chống dịch Covid-19, vừa phấn đấu giải ngân nguồn vốn đầu tư công đạt và vượt kế hoạch. Vì vậy, các ngành, các địa phương phải tích cực, chủ động hơn nữa trong công tác giải phóng mặt bằng, tiến hành thanh toán đối với các dự án đã

có khối lượng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án như đường ven biển từ Gò Bồi đến Quốc lộ 19, đường ven biển Cát Tiến - Đề Gi, đường ven biển Đề Gi - Mỹ Thành.

4. Hoạt động ngân hàng

Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã có tác động nhất định đối với hoạt động tín dụng ngân hàng, khả năng trả nợ của khách hàng đặc biệt trong những ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận tải và du lịch bị ảnh hưởng lớn. Chính sách điều hành tín dụng trên địa bàn được thực hiện theo hướng mở rộng tín dụng, tập trung vốn cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, định hướng cơ cấu tín dụng phù hợp với chuyển dịch nền kinh tế, tập trung hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, kiểm soát chặt tín dụng trong lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Lĩnh vực tín dụng ngân hàng trên địa bàn tỉnh tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ và rộng rãi công nghệ số trong các hoạt động, kết nối, phục vụ khách hàng.

Ước tính đến cuối tháng 7/2021, tổng nguồn vốn huy động của hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh ước đạt 79.350 tỷ đồng, tăng 14,2% so với cùng kỳ và tăng 7,6% so với tháng 12/2020.

Tổng dư nợ cho vay tính đến 31/7/2021 ước đạt 87.940 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ và tăng 5,4% so với tháng 12/2020. Ước đến 31/7/2021 nợ xấu trên địa bàn chiếm tỷ lệ 1,31% so với tổng dư nợ.

5. Thương mại, dịch vụ

5.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động Thương mại Dịch vụ tháng 7/2021 đã chịu ảnh hưởng lớn do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19. Các cơ sở dịch vụ ăn uống (nhà hàng, quán ăn, cà phê, giải khát…) không được phục vụ ăn uống tại chỗ, chỉ được phép bán mang đi; các đơn vị kinh doanh vận tải tạm dừng các hoạt động vận chuyển hành khách tuyến cố định, xe du lịch, xe hợp đồng, taxi từ tỉnh Bình Định đi các địa phương như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Phú Yên, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Lâm Đồng…..và ngược lại; đồng thời siết chặt kiểm soát tại các chốt trên tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 1D, Quốc lộ 19C. Các dịch vụ vui chơi giải trí đóng cửa, dịch vụ y tế hoạt động hạn chế, các phòng khám quy mô nhỏ đóng cửa; hầu hết các cơ sở đào tạo, trung tâm ngoại ngữ, cơ sở mầm non, nhà trẻ và cơ sở dạy hè cho học sinh đều đóng cửa và chỉ một số cơ sở dạy học theo hình thức online, dịch vụ kinh doanh bất động sản đóng băng…

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2021 ước đạt 5.962,7 tỷ đồng, giảm 4,1% so với tháng trước và giảm 15,3% so cùng kỳ,

trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 5.381,4 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và giảm 5,9%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 372,4 tỷ đồng, giảm 38,6% so với tháng trước và giảm 57,3% so cùng kỳ năm trước; doanh thu du lịch lữ hành tháng 7/2021 không phát sinh doanh thu vì Việt Nam chưa mở cửa du lịch quốc tế và các tour du lịch nghỉ dưỡng trong những ngày hè gần như không hoạt động do dịch Covid-19; doanh thu dịch vụ ước đạt 208,9 tỷ đồng, giảm 18,9% so tháng trước và giảm 52,6% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn do tác động của dịch Covid-19 nhưng tâm lý người dân trong mua sắm hàng hóa tương đối bình tĩnh, không có hiện tượng người dân đổ xô đi mua hàng hóa tích trữ, hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh Bình Định vẫn tăng nhẹ; tuy nhiên, ngành dịch vụ lưu trú, du lịch lữ hành và một số ngành dịch vụ vẫn còn giảm sâu so với cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 43.809,9 tỷ đồng, tăng 2,6% so cùng kỳ. Mặc dù dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp từ cuối tháng 6/2021 nhưng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng đầu năm 2021 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương, vì nhu cầu mua sắm hàng hóa phục vụ tiêu dùng, cũng như hoạt động dịch vụ ăn uống những ngày Tết trong tháng 2/2021 tăng khá và hoạt động dịch vụ ăn uống, lưu trú trong tháng 4/2021 và những ngày đầu tháng 5 tăng mạnh; thêm vào đó, người dân, doanh nghiệp đã chủ động thay đổi mô hình kinh doanh để thích nghi với hoàn cảnh, nhiều cơ sở đã có cách tiếp cận khách hàng mới, chuyển đổi cách mua bán từ truyền thống là bán hàng trực tiếp sang bán hàng theo hình thức online nên tổng mức bán lẻ hàng hoá cộng dồn 7 tháng đầu năm 2021 tăng nhẹ so với cùng kỳ.

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 7 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 37.665,7 tỷ đồng, chiếm 86% tổng mức và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: lương thực, thực phẩm tăng 5,1% so với cùng kỳ và cũng là ngành chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng mức bán lẻ (*chiếm 48,9%);* Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 2,1% so với cùng kỳ, chiếm 11,7%; Hàng may mặc tăng 4,4% so với cùng kỳ, chiếm 6,8%; Vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 12,2% so với cùng kỳ, chiếm 0,8%; Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 0,3% so với cùng kỳ, chiếm 6,9%; Xăng, dầu các loại tăng 3,4% so với cùng kỳ, chiếm 9,8%; Đá quý, kim loại quý tăng 8,6% so với cùng kỳ, chiếm 2,2%; …

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 7 tháng đầu năm ước tính đạt 4.090,7 tỷ đồng, chiếm 9,3% tổng mức, giảm 5,6% so với cùng kỳ; trong đó, dịch vụ ăn uống giảm 4,6%, dịch vụ lưu trú giảm 24,2%. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống

giảm mạnh trong tháng 6 và tháng 7, chịu tác động mạnh bởi dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp ở các địa phương trong cả nước, kéo theo cộng dồn 7 tháng giảm. Nếu so với 7 tháng đầu năm 2019 lúc chưa có dịch Covid-19 xảy ra, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống giảm rất sâu (*-16,9%*); trong đó, dịch vụ ăn uống giảm 15,4%, dịch vụ lưu trú giảm 41,5%.

Doanh thu du lịch lữ hành 7 tháng đầu năm ước tính đạt 18,8 tỷ đồng, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động du lịch của tỉnh giảm là do chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 trong tháng 02/2021, tháng 5, tháng 6 và 7/2021, mặc dù trong tháng 4/2021 đã có dấu hiệu khởi sắc (*tăng gấp 4,5 lần so với cùng kỳ*). Nếu so với 7 tháng đầu năm 2019 lúc chưa có dịch Covid-19 xảy ra, doanh thu du lịch lữ hành giảm sâu (*-47,6%*).

Doanh thu hoạt động dịch vụ khác 7 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 2.034,7 tỷ đồng, chiếm 4,7% tổng mức, giảm 7,3% so với cùng kỳ.

5.2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá

Diễn biến dịch Covid-19 còn rất phức tạp tại các nước trên thế giới và Việt Nam nên lượng lao động ở các khu công nghiệp giảm, giá thành sản xuất cao, chi phí logistics cao. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 992,3 triệu USD, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 764,7 triệu USD, tăng 24,1%; nhập khẩu đạt 227,6 triệu USD, tăng 33,1%. Cán cân thương mại hàng hóa 7 tháng đầu năm 2021 ước tính thặng dư xuất khẩu so nhập khẩu đạt 537,1 triệu USD.

a. Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 7/2021 ước đạt 92,1 triệu USD, giảm 20,2% so với tháng trước và tăng 5,3% so cùng kỳ.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 764,7 triệu USD, tăng 24,1% so với cùng kỳ.

Trong đó, các sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu tăng cao như sản phẩm từ chất dẻo (chủ yếu bàn ghế nhựa giả mây) đạt 125,1 triệu USD, tăng 82%; xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 288,8 triệu USD, tăng 53,3%; hàng thuỷ sản đạt 49 triệu USD, tăng 39,2%; xuất khẩu gạo đạt 37,1 triệu USD, tăng 20%. Hiện nay, các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Philippines, Châu Phi... tiếp tục ký hợp đồng mua gạo của Việt Nam và giá gạo đang ở mức rất lạc quan.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng xuất khẩu giảm sâu như: sản phẩm từ sắt thép đạt 329 triệu USD, giảm 38,4%; hàng dệt may đạt 80,6 triệu USD, giảm 17,3%.

Xuất khẩu trực tiếp 7 tháng đầu năm 2021 ước đạt 758 triệu USD, chiếm 99,1% kim ngạch xuất khẩu. Các mặt hàng được xuất khẩu đến 99 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc 5 châu lục. Trong đó, Châu Á đạt 319,6 triệu USD, chiếm 42,2%; Châu Âu đạt 198,4 triệu USD, chiếm 26,2%; Châu Mỹ đạt 222,4 triệu USD, chiếm 29,3%. Chia theo quốc gia, Trung Quốc đạt 85,2 triệu USD, chiếm 11,2%; Nhật Bản đạt 79,6 triệu USD, chiếm 10,5%; Đức đạt 62,6 triệu USD, chiếm 8,3%; Hồng Kông đạt 67 triệu USD, chiếm 8,8%; Anh đạt 32,7 triệu USD, chiếm 4,3% trong kim ngạch xuất khẩu trực tiếp.

b. Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 7/2021 ước đạt 22,7 triệu USD, giảm 29,1% so với tháng trước và giảm 21,4% so cùng kỳ.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 227,6 triệu USD, tăng 33,1% so cùng kỳ. Nhập khẩu tăng do các doanh nghiệp nhập các nguyên liệu, máy móc để sản xuất. Trong đó, nhập khẩu nguyên liệu dùng cho chế biến thủy sản ước đạt 32,9 triệu USD, tăng 71,9% so cùng kỳ do giá thành nguyên liệu nhập vào tăng cao, chủ yếu nhập khẩu từ thị trường Đài Loan; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc ước đạt 37,4 triệu USD, tăng 24,5% so cùng kỳ, do giá và phí vận chuyển tăng mạnh, chủ yếu nhập từ thị trường Ac-hen-ti-na; phân bón ước đạt 9,8 triệu USD, tăng 15,1% so cùng kỳ; nhóm máy móc thiết bị dùng cho sản xuất ước đạt 36,7 triệu USD, tăng 31,1% so cùng kỳ; nguyên phụ liệu dược phẩm ước đạt 7,8 triệu USD, giảm 17,9% so cùng kỳ;

5.3. Vận tải hành khách và hàng hóa

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh đã tạm ngừng hoạt động, doanh thu giảm, do ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19. Đối với vận tải hàng hóa, để đảm bảo an toàn và lưu thông hàng hóa, trong đợt bùng phát dịch Covid -19, các ngành chức năng đã chủ động lên kế hoạch trong việc vận tải hàng hóa. Theo đó, tỉnh thực hiện giải pháp test nhanh cho tài xế vào giao nhận hàng trong tỉnh, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai tiêm vắc xin ưu tiên đợt 2 cho nhóm tài xế trên địa bàn, nhằm đảm bảo phòng, chống dịch hiệu quả, đồng thời giúp ổn định cuộc sống người dân, đảm bảo hàng hóa lưu thông bình thường trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Mặc dù, ít chịu tác động hơn vận tải hành khách nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh làm cho sức cầu giảm.

a. Vận tải hành khách

Tổng lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thuỷ tháng 7/2021 ước đạt 1.010,3 nghìn hành khách, luân chuyển 106,4 triệu HK.km. So tháng trước, vận chuyển giảm 36,4%, luân chuyển giảm 32%. So cùng kỳ, vận chuyển giảm 65,9%, luân chuyển giảm 68,4%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, tổng lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thuỷ ước đạt 15.132,6 nghìn hành khách, luân chuyển 1.483,7 triệu HK.km. So cùng kỳ, vận chuyển giảm 8,4%, luân chuyển giảm 10,3%.

b. Vận tải hàng hoá

Tổng lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thuỷ tháng 7/2021 ước đạt 1.510,6 nghìn tấn, luân chuyển 247,7 triệu tấn.km. So tháng trước, vận chuyển giảm 19,7%, luân chuyển giảm 2,7%. So cùng kỳ, vận chuyển giảm 20%, luân chuyển giảm 29,3%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, tổng lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và đường thuỷ ước đạt 15.816,2 nghìn tấn, luân chuyển 2.095,7 triệu tấn.km; so cùng kỳ, vận chuyển tăng 6,9%, luân chuyển tăng 3,1%.

Hàng hoá thông qua cảng biển tại địa phương trong tháng 7/2021 ước đạt 1.328 nghìn TTQ, giảm 0,8% so với tháng trước và tăng 15% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021 ước đạt 8.500,9 nghìn TTQ, tăng 18,3% so với cùng kỳ. Do ảnh hưởng từ dịch Covid -19, các tàu ra vào cảng được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của Bộ Y tế, số lượng tàu ra vào cảng bị hạn chế. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kép vừa phát triển sản xuất kinh doanh, vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19 hiệu quả, các cảng biển đang chủ động thu hút các nguồn hàng ít bị tác động của dịch Covid-19 và nỗ lực tìm kiếm thêm những nguồn hàng mới. Đồng thời, hỗ trợ khách hàng kết nối các nguồn lực, dịch vụ logistics nhằm tranh thủ tối đa các điều kiện để xuất khẩu hàng, tập trung vào các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu… kết nối chủ hàng và các tổ chức, cá nhân giao nhận vận tải, hãng tàu, tạo điều kiện để các đơn vị đưa nguồn hàng xuất nhập khẩu thông qua cảng.

c. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ và bưu chính, chuyển phát

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy và bưu chính, chuyển phát tháng 7/2021 ước đạt 420,8 tỷ đồng, giảm 34,3% so cùng kỳ. Trong đó, vận tải hành khách đạt 42,8 tỷ đồng, giảm 69,4%; vận tải hàng hóa đạt 284,5 tỷ đồng, giảm 28,7%; dịch vụ kho bãi và hoạt động hỗ trợ vận tải khác đạt 93,4 tỷ đồng, giảm 7,9%; bưu chính, chuyển phát đạt 0,1 tỷ đồng, tăng 9,1%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy và bưu chính, chuyển phát ước đạt 3.753,9 tỷ đồng, tăng 1,2% so cùng kỳ. Trong đó, vận tải hành khách đạt 595,9 tỷ đồng, giảm 11,1%; vận tải hàng hóa đạt 2.402,1 tỷ đồng, tăng 2,6%; dịch vụ kho bãi và hoạt động hỗ trợ vận tải khác đạt 755,1 tỷ đồng, tăng 8,2%; bưu chính, chuyển phát đạt 0,8 tỷ đồng, tăng 25,9%.

6. Chỉ số giá

6.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2021 tăng 0,48% so với tháng trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,09% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong mức tăng 0,48% của chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2021 so với tháng trước có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó: Tăng mạnh nhất là nhóm giao thông tăng 2,31%; kế tiếp là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,83%, nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,16%; nhóm đồ uống và thuốc lá cùng nhóm may mặc, mũ nón và giày dép đều tăng 0,1%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,06%. Ngược lại, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,25%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,07%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,05%. Riêng có 2 nhóm bưu chính viễn thông và giáo dục có chỉ số ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2021 tăng 2,42% so với tháng 12/2020 và tăng 4,41% so với cùng kỳ năm trước; CPI bình quân 7 tháng đầu năm 2021 tăng 3,09% so với bình quân cùng kỳ năm 2020 do một số nguyên nhân:

Thứ nhất: Nhóm Giao thông tăng 6,19% do Liên Bộ Tài chính và Công Thương điều chỉnh tăng giá chủ yếu, nên nhóm nhiên liệu tăng 18,14%, tác động trực tiếp đến giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 3,81%.

Thứ hai: Nhóm Hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 5,33% do tác động tăng của nhóm lương thực tăng 15,12%; vì những tháng đầu năm xuất khẩu gạo tăng làm ảnh hưởng đến chỉ số giá gạo các loại tăng 24,72%; bột mỳ và ngũ cốc khác tăng 5,9%. Nhóm thực phẩm tăng 3,38%; trong đó, trứng các loại tăng 5,6%; thủy sản tươi sống tăng 8,69%; rau tươi và khô chế biến tăng 3,9%; quả tươi và chế biến tăng 5,94%.

Thứ ba: Nhóm Giáo dục tăng 5,30% chịu tác động mạnh nhất là dịch vụ giáo dục tăng 6,21%, theo lộ trình tăng học phí của một số trường trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư: Nhóm Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,24%, do nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 14,29% chịu sự tác động của giá vàng tăng 13,29%.

6.2. Chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá vàng thế giới giảm đã ảnh hưởng đến giá vàng trong nước giảm theo. Chỉ số giá vàng tháng 7/2021 giảm 0,04% so với tháng trước; tăng 1,35% so với tháng 12/2020 và tăng 7,11% so với cùng kỳ; bình quân 7 tháng đầu năm 2021 tăng 13,29% so cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2021 tăng 0,04% so với tháng trước; giảm 0,47% so với tháng 12/2020 và giảm 0,74% so với cùng kỳ; bình quân 7 tháng đầu năm 2021 giảm 0,94% so cùng kỳ.

6.3. Chỉ số cước vận tải

Trong tháng 7/2021, Liên Bộ Tài chính - Công Thương đã có đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 12/7/2021, cụ thể: Xăng 95 tăng 890 đồng/lít, xăng E5 tăng 870 đồng/lít, dầu diesel 0.05S tăng 430 đồng/lít so với giá ngày 26/6/2021. Mặc dù, giá xăng, dầu tăng nhưng giá cước vận tải, kho bãi tháng 7/2021 giảm 0,01%; giảm chủ yếu là giá cước vận tải hành khách đường sắt và vận tải hành khách hàng không giảm lần lượt là: - 3,22%, - 0,98%. Trong khi đó, giá cước vận tải hành khách xe taxi; xe khách liên tỉnh, nội tỉnh và vận tải hàng hóa bằng đường bộ vẫn ổn định so với tháng 6/2021.

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Tình hình dịch bệnh và chăm sóc sức khoẻ

Tình hình dịch bệnh Covid-19: Tính đến ngày 22/7/2021, trên địa bàn tỉnh đã có 60 trường hợp; số tử vong: 0 ca. Các dịch bệnh khác: Lũy kế đến ngày 21/7/2021, toàn tỉnh có 803 ca mắc sốt xuất huyết, số tử vong: 0 ca; Bệnh tay - chân - miệng có 300 ca mắc.

Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị tăng cường rà soát, truy vết, xét nghiệm sàng lọc cho người có yếu tố nguy cơ; tiếp tục cách ly phù hợp đối với người đến/về Bình Định từ vùng có dịch trong cả nước; tăng cường rà soát, truy vết, xét nghiệm sàng lọc cho người có yếu tố nguy cơ; triển khai khẩn cấp công tác phòng chống dịch tại thành phố Quy Nhơn và thị xã An Nhơn; tiến hành truy vết các trường hợp liên quan đến ca bệnh, khoanh vùng, phun khử khuẩn, lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 cho các đối tượng tại những khu vực có nguy cơ COVID-19; Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực thực hiện Kế hoạch tiêm chủng vắc xin đợt 3 trên địa bàn tỉnh.

7.2. Tai nạn giao thông

Trong tháng 7/2021 (từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/7/2021) trên địa bàn tỉnh xảy ra 8 vụ tai nạn giao thông, làm 7 người chết và 2 người bị thương. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Bảy giảm 2 vụ (-20%), giảm 1 người chết (-12,5%) và giảm 6 người bị thương (-75%). So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Bảy giảm 9 vụ (-52,9%), giảm 3 người chết (-30%) và giảm 8 người bị thương (-80%).

Trong tháng, lực lượng cảnh sát giao thông đã kiểm tra, xử lý 5.032 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, phạt tiền hơn 4,2 tỷ đồng, tạm giữ 489 lượt phương tiện vi phạm, tước giấy phép lái xe có thời hạn 362 trường hợp.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 86 vụ tai nạn giao thông, làm 64 người chết và 55 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 7 tháng đầu năm 2021 giảm 8 vụ (-8,5%), giảm 5 người chết (-7,2%) và tăng 7 người bị thương (+14,6%). Bình quân 1 tháng trong 7 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh xảy ra 12 vụ tai nạn giao thông, làm 9 người chết và 8 người bị thương.

7.3. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Trong tháng 7/2021, trên địa bàn tỉnh Bình Định đã xảy ra 26 vụ vi phạm môi trường; Đã xử lý hành chính 10 vụ; tịch thu 8,3 m^3 gỗ các loại, 59 kg gỗ hương tía, 460 kg quả ươi; thu nộp vào Ngân sách nhà nước 42,5 triệu đồng. Từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 124 vụ vi phạm môi trường; đã xử lý 103 vụ; Số tiền xử phạt 1,1 tỷ đồng.

Trong tháng 7/2021, trên địa bàn tỉnh Bình Định xảy ra 25 vụ cháy; Trong đó: 01 vụ cháy công ty, 03 vụ cháy nhà, 06 vụ cháy kho sản xuất, 03 vụ cháy rừng và 12 vụ cháy khác; Thiệt hại ước tính khoảng 9,6 tỷ đồng. Cộng dồn từ đầu năm tới nay xảy ra 52 vụ cháy, nổ; tổng thiệt hại ước tính khoảng 67,8 tỷ đồng./.

***Nơi nhận*:**
- Vụ TKTH & PBTTTK - TCTK;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng HĐND Tỉnh;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Các Sở, ngành;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, P.TKTH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH ĐỊNH
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Thị Mỹ

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 22 tháng 7 năm 2021

	Thực hiện cùng kỳ năm trước *(Ha)*	Thực hiện kỳ này *(Ha)*	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước *(%)*
VỤ HÈ THU 2021 ***(Theo tiến độ)***			
- Cây lương thực có hạt			
Cây lúa	38.062,7	41.278,0	108,4
Cây ngô	3.089,7	2.938,2	95,1
- Cây công nghiệp hàng năm			
Cây lạc	1.646,0	1.708,9	103,8
Cây vừng	2.823,6	2.730,7	96,7
- Cây rau đậu			
Rau các loại	4.974,7	4.530,0	91,1
Đậu các loại	701,7	721,8	102,9
VỤ MÙA 2021 ***(Theo tiến độ)***			
Cây lúa	2.370,0	1.482,0	62,5

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: %

	Tháng 6 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020	Tháng 7 năm 2021 so với tháng 6 năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020	7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020
TOÀN NGÀNH	**109,18**	**98,20**	**107,92**	**107,82**
Phân theo ngành kinh tế				
B. Khai khoáng	**103,06**	**90,19**	**94,57**	**94,75**
07. Khai thác quặng kim loại	109,95	85,27	111,40	97,21
08. Khai khoáng khác	95,64	96,29	81,12	92,34
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	**106,94**	**98,46**	**106,62**	**105,38**
10. Sản xuất chế biến thực phẩm	112,70	102,34	113,37	108,62
11. Sản xuất đồ uống	88,48	104,29	100,95	94,78
13. Dệt	93,80	99,86	96,51	106,66
14. Sản xuất trang phục	102,02	95,02	86,85	100,96
15. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	78,86	91,09	75,09	89,56
16. Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	92,01	91,04	95,00	86,42
17. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	106,05	101,90	90,69	100,37
18. In, sao chép bản ghi các loại	125,93	71,20	107,50	108,30
20. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	133,46	77,49	112,75	93,17
21. Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	91,94	101,56	100,06	93,17
22. Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	53,72	141,87	89,61	81,73
23. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	101,11	95,58	93,72	100,43
24. Sản xuất kim loại	82,99	102,55	78,80	78,64
25. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	114,29	99,81	113,98	129,24
26. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	48,63	89,89	43,24	78,25
27. Sản xuất thiết bị điện	48,51	103,38	72,30	56,12
28. Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	59,50	91,34	18,07	60,69
29. Sản xuất xe có động cơ	108,24	103,60	109,70	109,33
30. Sản xuất phương tiện vận tải khác	114,19	91,78	107,30	104,20
31. Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	122,13	95,42	117,38	110,90
32. Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	82,94	101,93	89,46	71,49
33. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	92,26	98,79	83,23	96,11
D. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	**162,42**	**95,97**	**140,49**	**171,56**
35. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	162,42	95,97	140,49	171,56
E. Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	**102,09**	**101,38**	**100,85**	**103,04**
36. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	105,45	102,83	104,95	104,46
38. Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	98,23	99,60	96,06	101,44

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7 và 7 tháng năm 2021

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Cộng dồn 7 tháng năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với *(%)*		7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 *(%)*
					tháng 6 năm 2021	cùng kỳ năm 2020	
Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	7.683	6.551	40.557	85,27	111,41	97,21
Đá xây dựng khai thác	M^3	86.605	84.333	593.895	97,38	106,26	94,39
Phi lê cá và các loại cá tươi ướp lạnh	Tấn	1.842	1.977	9.572	107,33	163,52	126,38
Tôm đông lạnh	Tấn	115	90	558	78,26	130,43	93,62
Sữa và kem chưa cô đặc	1000 lít	4.080	4.090	22.406	100,25	111,63	85,45
Tinh bột sắn	Tấn	-	-	40.399	-	-	82,95
Thức ăn gia súc	Tấn	119.242	122.610	773.937	102,82	123,45	125,08
Thức ăn gia cầm	Tấn	28.330	31.146	209.865	109,94	93,18	87,84
Bia đóng chai	1000 lít	4.871	5.120	30.966	105,11	100,06	90,09
Các loại mền chăn, các loại nệm, đệm	1000 cái	293	302	2.294	103,07	98,37	106,06
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ	1000 cái	3.630	3.449	23.786	95,01	84,08	97,19
Giày dép	1000 đôi	51	45	325	88,24	69,23	85,75
Dăm gỗ	Tấn	167.024	149.306	1.011.446	89,39	94,37	82,91
Hộp, thùng bằng bìa cứng	1000 chiếc	3.040	3.105	22.080	102,14	90,76	100,43
Báo in	Triệu trang	1.953	1.385	10.693	70,92	114,46	107,24
Sản phẩm in khác	Triệu trang	1,00	1,00	16	100,00	100,00	228,57
Ôxy	Tấn	133	141	902	106,02	93,38	84,30
Titan ôxit	Tấn	539	700	3.746	129,87	94,09	69,46
Phân khoáng hoặc phân hóa học	Tấn	8.435	5.664	34.400	67,15	123,26	105,20
Dược phẩm khác chưa được phân vào đâu	Kg	368	383	2.619	104,08	108,50	100,19
Dung dịch đạm huyết thanh	Lít	2.991.729	3.173.842	17.969.300	106,09	93,82	88,05
Thuốc nước để tiêm	Lít	10.384	16.276	70.577	156,74	116,07	69,74
Bao và túi từ plastic	Tấn	80	92	620	115,00	98,92	110,71
Bình lớn có vỏ bọc ngoài, chai, lọ	Tấn	29	26	358	89,66	39,39	79,20
Plastic dạng sợi	Tấn	225	218	1.613	96,89	102,35	123,70
Ống tuýp, ống dẫn và ống vòi loại cứng	Tấn	0	366	3.316	0,00	71,07	57,07
Tấm, phiến, màng, lỏ và dải	Tấn	112	118	736	105,36	114,56	93,76
Gạch xây dựng bằng đất sét nung	1000 viên	15.734	14.606	116.194	92,83	99,19	89,84
Gạch và gạch khối xây dựng	1000 viên	2.424	2.228	15.583	91,91	92,72	62,07

3. *(Tiếp theo)* Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7 và 7 tháng năm 2021

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Cộng dồn 7 tháng năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với *(%)*		7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 *(%)*
					tháng 6 năm 2021	cùng kỳ năm 2020	
Bê tông trộn sẵn	M^3	20.289	17.828	124.168	87,87	90,88	98,20
Đá ốp lát	M^2	324.814	313.372	2.143.157	96,48	93,72	102,26
Gang thỏi hợp kim	Tấn	239	250	1.653	104,60	60,98	62,88
Ống bằng sắt, thép	Tấn	97	112	514	115,46	136,59	95,01
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	721	773	4.687	107,21	76,38	67,66
Cấu kiện thép và cột làm bằng thép…	Tấn	6.671	6.336	57.597	94,98	73,18	101,16
Tấm lợp bằng kim loại	Tấn	50.178	51.000	358.893	101,64	156,14	168,50
Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	89	80	1.148	89,89	43,24	78,25
Quạt bàn, quạt tường, quạt trần	Cái	98	104	491	106,12	125,30	106,28
Bếp lò, vỉ lò, lò sấy	Chiếc	-	-	-	-	-	-
Máy cưa gỗ, cao su cứng	Cái	-	-	-	-	-	-
Máy bào, máy phay	Cái	4	6	163	150,00	22,22	70,87
Máy khác dùng để gia công gỗ	Cái	-	-	-	-	-	-
Máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xen lu lô	Cái	1	1	7	100,00	50,00	116,67
Máy và thiết bị cơ khí khác	Cái	11	8	170	72,73	2,11	22,37
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	501.338	481.263	4.214.245	96,00	119,25	107,92
Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	291.248	271.039	2.344.868	93,06	122,15	114,79
Điện sản xuất	Triệu kwh	116	112	889	96,55	189,83	282,22
Điện thương phẩm	Triệu kwh	229	241	1.373	105,24	119,90	107,43
Nước uống được	1000 m^3	3.102	3.189	19.623	102,80	104,94	104,47

4. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: %

	Ước tính tháng 7 năm 2021 so với tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020	Cộng dồn 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020
TOÀN NGÀNH	**100,21**	**101,56**	**100,52**
Phân theo ngành công nghiệp cấp I			
Khai khoáng	98,81	88,23	95,69
Công nghiệp chế biến, chế tạo	100,25	101,95	100,61
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	100,00	100,58	100,99
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,00	101,00	100,85
Phân theo ngành công nghiệp cấp II			
Khai thác quặng kim loại	96,78	78,39	93,43
Khai khoáng khác	100,55	98,39	97,85
Sản xuất chế biến thực phẩm	100,47	108,54	102,28
Sản xuất đồ uống	100,00	99,32	100,20
Dệt	101,13	139,56	116,08
Sản xuất trang phục	100,28	100,41	98,69
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	98,98	87,04	86,19
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	100,55	89,38	91,04
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	100,57	100,00	91,67
In, sao chép bản ghi các loại	101,25	97,60	95,74
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	100,00	89,96	88,17
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	100,05	98,69	100,22
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	98,97	89,44	97,65
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	100,28	103,84	101,32
Sản xuất kim loại	100,00	89,66	87,00
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	100,76	111,78	110,70
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	96,77	88,24	92,31
Sản xuất thiết bị điện	100,00	100,00	98,81
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	97,75	96,67	98,22
Sản xuất phương tiện vận tải khác	100,00	100,00	100,00
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	100,21	101,76	102,51
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	100,00	20,83	43,80
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	100,00	100,58	100,99
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,00	101,09	101,36
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	100,00	100,94	100,56
Phân theo loại hình doanh nghiệp			
Doanh nghiệp Nhà nước	100,00	102,33	101,50
Doanh nghiệp ngoài Nhà nước	100,23	101,83	100,58
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100,00	95,12	98,15

5. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	7 tháng năm 2021 so với kế hoạch năm 2021 (%)	7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	**851.357**	**950.757**	**3.748.523**	**45,6**	**104,3**
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	**460.202**	**563.029**	**2.231.439**	**36,8**	**103,3**
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	181.432	239.516	827.326	49,7	98,6
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	*103.115*	*146.115*	*612.358*	47,1	79,7
- Vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	215.115	235.115	855.131	54,2	320,5
- Vốn nước ngoài (ODA)	16.553	20.315	191.975	31,2	30,2
- Xổ số kiến thiết	3.441	7.832	42.309	38,5	59,8
- Vốn khác	43.661	60.251	314.698	15,0	90,0
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	**294.609**	**283.350**	**1.094.535**	**50,8**	**107,1**
- Vốn cân đối ngân sách huyện	176.345	189.154	607.515	28,2	97,3
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	*90.881*	*95.145*	*400.050*	20,0	79,3
- Vốn Tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	78.213	63.945	308.273	-	133,7
- Vốn khác	40.051	30.251	178.747	-	107,1
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	**96.546**	**104.378**	**422.549**	**-**	**102,7**
- Vốn cân đối ngân sách xã	39.125	50.151	203.605	-	100,0
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	*35.332*	*45.154*	*165.150*	-	93,0
- Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	50.112	37.615	163.502	-	117,7
- Vốn khác	7.309	16.612	55.442	-	80,6

6. Hoạt động ngân hàng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2021	Ước tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2021 so với (%)	
		Tháng 12 năm 2020	Cùng kỳ năm trước
1. Tổng nguồn vốn huy động	**79.350**	**107,6**	**114,2**
2. Tổng dư nợ cho vay	**87.940**	**105,4**	**112,3**
3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ (%)	**1,31**	**-**	**-**

7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Cộng dồn 7 tháng năm 2021		Ước tính tháng 7 năm 2021 so với (%)		Cộng dồn 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
			Giá trị	Cơ cấu (%)	Tháng trước	Cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	**6.218.852,7**	**5.962.699,8**	**43.809.916,9**	**100,0**	**95,9**	**84,7**	**102,6**
Thương nghiệp	5.354.482,8	5.381.374,3	37.665.697,6	86,0	100,5	94,1	104,1
Khách sạn, nhà hàng	606.452,6	372.398,4	4.090.684,4	9,3	61,4	42,7	94,4
Du lịch lữ hành	150,0	-	18.832,1	0,0	-	-	81,6
Dịch vụ	257.767,3	208.927,1	2.034.702,8	4,7	81,1	47,4	92,7

8. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2021	7 tháng năm 2021
TỔNG SỐ	**5.354.482,8**	**5.381.374,3**	**37.665.697,6**	**94,1**	**104,1**
Lương thực, thực phẩm	2.685.545,9	2.759.174,8	18.400.880,0	98,2	105,1
Hàng may mặc	356.583,4	349.808,3	2.559.547,2	93,4	104,4
Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	570.158,8	574.149,9	4.397.006,0	82,2	102,1
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	51.494,6	51.340,1	319.175,9	102,6	112,2
Gỗ và vật liệu xây dựng	380.147,7	351.256,5	2.580.716,8	78,4	100,3
Ô tô các loại	39.741,7	27.580,7	380.142,7	60,5	118,9
Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng)	220.248,6	211.658,9	1.481.225,1	96,4	102,6
Xăng, dầu các loại	520.957,0	531.376,1	3.703.404,1	97,9	103,4
Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	113.601,1	116.895,5	793.896,8	99,2	103,1
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	127.394,5	126.884,9	825.657,6	100,5	108,6
Hàng hóa khác	193.548,1	191.225,5	1.587.941,3	89,5	100,8
SC ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	95.061,4	90.023,1	636.104,1	97,7	105,3

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2021	7 tháng năm 2021
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	**606.452,6**	**372.398,4**	**4.090.684,4**	**42,7**	**94,4**
Dịch vụ lưu trú	10.157,7	7.465,9	164.073,9	15,8	75,8
Dịch vụ ăn uống	596.294,9	364.932,5	3.926.610,5	44,2	95,4
Du lịch lữ hành	**150,0**	-	**18.832,1**	-	**81,6**
Dịch vụ tiêu dùng khác	**257.767,3**	**208.927,1**	**2.034.702,8**	**47,4**	**92,7**

10. Xuất khẩu

Đơn vị tính: 1000 USD

	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Cộng dồn 7 tháng năm 2021		Ước tính tháng 7 năm 2021 so với (%)		Cộng dồn 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
			Giá trị	Cơ cấu (%)	Tháng trước	Cùng kỳ năm trước	
TỔNG TRỊ GIÁ	**115.407**	**92.123**	**764.736**	**100,0**	**79,8**	**105,3**	**124,1**
Kinh tế Nhà nước	2.087	1.700	37.126	4,9	81,5	434,8	120,0
Kinh tế tư nhân	100.996	79.185	647.099	84,6	78,4	106,2	124,1
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	12.324	11.238	80.511	10,5	91,2	89,6	126,4
Chia theo mặt hàng chủ yếu							
Hàng thuỷ sản	8.870	6.247	48.975	6,4	70,4	106,0	139,2
Gạo	2.087	1.700	37.126	4,9	81,5	434,8	120,0
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.702	1.572	13.374	1,7	92,4	136,3	93,8
Quặng và khoáng sản khác	3.176	3.446	29.465	3,9	108,5	84,5	99,1
Sản phẩm từ chất dẻo	19.677	16.730	125.069	16,4	85,0	194,2	182,0
Gỗ	21.482	15.773	131.013	17,1	73,4	62,8	93,7
Sản phẩm gỗ	45.718	33.560	288.801	37,8	73,4	143,0	153,3
Hàng dệt, may	11.168	10.725	80.591	10,5	96,0	61,3	82,7
Giày dép các loại	653	450	3.387	0,4	68,9	94,5	107,4
Sản phẩm từ sắt thép	95	35	329	0,0	36,8	49,3	61,6
Máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng	167	71	667	0,1	42,5	71,7	100,8
Hàng hoá khác	612	1.814	5.939	0,8	296,4	269,1	81,1

11. Nhập khẩu

Đơn vị tính: 1000 USD

	Thực hiện tháng 6 năm 2021	Ước tính tháng 7 năm 2021	Cộng dồn 7 tháng năm 2021		Ước tính tháng 7 năm 2021 so với (%)		Cộng dồn 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
			Giá trị	Cơ cấu (%)	Tháng trước	Cùng kỳ năm trước	
TỔNG TRỊ GIÁ	**31.976**	**22.668**	**227.604**	**100,0**	**70,9**	**78,6**	**133,1**
Kinh tế Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-
Kinh tế tư nhân	24.067	16.693	176.151	77,4	69,4	82,4	137,6
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	7.909	5.975	51.453	22,6	75,5	69,5	119,7
Chia theo mặt hàng chủ yếu							
Hàng thuỷ sản	6.301	4.460	32.877	14,5	70,8	154,2	171,9
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	4.864	4.250	37.448	16,5	87,4	57,2	124,5
Nguyên phụ liệu dược phẩm	1.223	1.111	7.808	3,4	90,8	107,7	82,1
Phân bón	18	-	9.835	4,3	-	-	115,1
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	4.240	3.591	29.538	13,0	84,7	118,6	136,8
Vải các loại	4.707	1.765	17.782	7,8	37,5	193,1	205,7
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	6.069	4.642	47.528	20,9	76,5	64,3	146,9
Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	-	-	-	-	-	-	-
Máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng	2.611	2.276	36.722	16,1	87,2	66,2	131,1
Hàng hoá khác	1.943	573	8.066	3,5	29,5	42,4	62,2

12. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: %

	Tháng 7 năm 2021 so với				Bình quân 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 7 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 6 năm 2021	
1. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	**106,38**	**104,41**	**102,42**	**100,48**	**103,09**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	112,71	106,03	101,94	100,83	105,33
Trong đó:					
Lương thực	113,97	112,63	101,89	100,49	115,12
Thực phẩm	107,68	104,08	100,84	101,34	103,38
Ăn uống ngoài gia đình	122,67	108,08	104,10	99,94	106,56
Đồ uống và thuốc lá	101,60	101,64	101,64	100,10	101,60
May mặc, mũ nón, giày dép	103,20	102,89	102,25	100,10	102,20
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	104,54	104,47	103,88	100,16	99,26
Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,72	100,37	101,07	99,95	99,99
Thuốc và dịch vụ y tế	103,42	100,11	100,10	100,06	100,08
Trong đó:					
Dịch vụ y tế	101,75	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	102,26	113,09	111,65	102,31	106,19
Bưu chính viễn thông	98,24	98,20	98,20	100,00	98,63
Giáo dục	110,29	105,21	99,90	100,00	105,30
Trong đó:					
Dịch vụ giáo dục	111,11	106,21	100,00	100,00	106,21
Văn hoá, giải trí và du lịch	97,55	97,59	97,65	99,75	100,57
Hàng hoá và dịch vụ khác	102,80	101,99	101,92	99,93	102,24
2. CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	**134,31**	**107,11**	**101,35**	**99,96**	**113,29**
3. CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	**99,23**	**99,26**	**99,53**	**100,04**	**99,06**

13. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; bưu chính, chuyển phát tháng 7 và 7 tháng năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với tháng 6 năm 2021 (%)	Tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)	7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	**420.812,3**	**3.753.902,2**	**93,7**	**65,7**	**101,2**
Vận tải hành khách	**42.810,1**	**595.850,5**	**68,1**	**30,6**	**88,9**
Đường bộ	42.620,8	594.352,7	68,0	30,5	88,9
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	189,3	1.497,8	96,2	73,6	104,7
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	**284.487,6**	**2.402.078,3**	**97,3**	**71,3**	**102,6**
Đường bộ	284.120,3	2.399.682,0	97,3	71,3	102,6
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	367,3	2.396,3	99,4	114,2	147,1
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	**93.406,6**	**755.125,4**	**99,9**	**92,1**	**108,2**
Bưu chính, chuyển phát	**108,0**	**848,0**	**99,9**	**109,1**	**125,9**

14. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 7 và 7 tháng năm 2021

	Ước tính tháng 7 năm 2021	Ước tính 7 tháng năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với tháng 6 năm 2021 (%)	Tháng 7 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)	7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	**1.010,3**	**15.132,6**	**63,6**	**34,1**	**91,6**
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	992,3	14.987,7	63,2	33,7	91,5
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	18,0	144,9	97,3	71,7	106,2
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn HK.km)	**106.374,1**	**1.483.695,2**	**68,0**	**31,6**	**89,7**
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	106.206,0	1.482.361,6	68,0	31,6	89,7
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	168,1	1.333,6	96,8	71,8	106,1
Hàng không	-	-	-		
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	**1.510,6**	**15.816,2**	**80,3**	**80,0**	**106,9**
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	1.508,6	15.802,7	80,3	80,0	106,9
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	2,0	13,5	98,0	113,1	147,3
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	**247.732,2**	**2.095.729,1**	**97,3**	**70,7**	**103,1**
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	246.285,5	2.085.756,6	97,3	70,5	102,9
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	1.446,7	9.972,5	94,8	115,1	149,4
Hàng không	-	-	-	-	-
C. HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG - *Nghìn TTQ*	**1.328,0**	**8.500,9**	**99,2**	**115,0**	**118,3**

15. Trật tự, an toàn xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2021

	Đơn vị tính	Tháng 7 năm 2021	Cộng dồn 7 tháng năm 2021	Tháng 7 năm 2021 so với (%)		Cộng dồn 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ (%)
				Tháng trước	Cùng kỳ năm trước	
1. Tai nạn giao thông						
Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	8	86	80,0	47,1	91,5
Đường bộ	"	8	85	80,0	47,1	91,4
Đường sắt	"	-	1	-	-	100,0
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	7	64	87,5	70,0	92,8
Đường bộ	"	7	63	87,5	70,0	94,0
Đường sắt	"	-	1	-	-	50,0
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	2	55	25,0	20,0	114,6
Đường bộ	"	2	55	25,0	20,0	114,6
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
2. Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	25	52	208,3	625,0	208,0
+ Số vụ cháy	"	25	52	208,3	625,0	208,0
+ Số vụ nổ	"	-	-	-	-	-
Số người bị chết do cháy, nổ	Người	-	-	-	-	-
Số người bị thương do cháy, nổ	"	-	-	-	-	-
Ước tính giá trị thiệt hại do cháy, nổ	Triệu đồng	9.640,0	67.771,0	2.295,2	6.025,0	193,7
3. Vi phạm môi trường						
Số vụ vi phạm đã phát hiện	Vụ	26	124	118,2	60,5	49,0
Số vụ đã xử lý	"	10	103	47,6	23,3	51,5
Số tiền xử phạt	Triệu đồng	42,5	1.106,4	23,1	8,6	62,2

**Ghi chú:*

- Số liệu tai nạn giao thông tháng 7/2021 tính từ ngày 15/6/2021 đến ngày 14/7/2021

- Số liệu cháy, nổ; vi phạm môi trường tháng 7/2021 tính từ ngày 19/6/2021 đến ngày 18/7/2021